# MA TRẬN ĐỀ THI THAM KHẢO, KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT CỦA BỘ NĂM 2023 MÔN: ĐỊA LÍ

**I. CẤU TRÚC ĐỀ**

| **Câu** | **Nội dung** | **Mức độ** | **Lớp** | **Lý thuyết** | **Kỹ năng** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Atlat* | *BSL* | *BĐ* |
| 41 | Nhận xét bảng số liệu ( Đông nam Á ) | H | 11 |  |  | x |  |
| 42 | Át lát - trang Khí hậu (trang 9) | B | 12 |  | x |  |  |
| 43 | Át lát - trang Các ngành công nghiệp trọng điểm (trang 22) | B | 12 |  | x |  |  |
| 44 | Bài 27: Vấn đề phát triển công nghiệp trọng điểm | B | 12 | x |  |  |  |
| 45 | Nhận xét biểu đồ ( ĐNA ) | H | 11 |  |  |  | x |
| 46 | Át lát - trang Kinh tế chung (trang 17) | B | 12 |  | x |  |  |
| 47 | Át lát - trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (trang 29) | B | 12 |  | x |  |  |
| 48 | Át lát - trang Các hệ thống sông (trang 10) | B | 12 |  | x |  |  |
| 49 | Bài 26: Cơ cấu ngành công nghiệp | B | 12 | x |  |  |  |
| 50 | Bài 39: Đông Nam Bộ | B | 12 | x |  |  |  |
| 51 | Át lát - Trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên (trang 28) | B | 12 |  | x |  |  |
| 52 | Át lát - trang Vùng Bắc Trung Bộ (trang 27) | B | 12 |  | x |  |  |
| 53 | Át lát - trang Giao thông (trang 23) | B | 12 |  | x |  |  |
| 54 | Át lát - trang Du lịch (trang 25) | B | 12 |  | x |  |  |
| 55 | Át lát - trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng (trang 26) | B | 12 |  | x |  |  |
| 56 | Át lát - trang Công nghiệp chung (trang 21) | B | 12 |  | x |  |  |
| 57 | Át lát - trang Dân số (trang 15) | B | 12 |  | x |  |  |
| 58 | Át lát - trang Hành chính (trang 4-5) | B | 12 |  | x |  |  |
| 59 | Át lát - trang Các miền tự nhiên (trang 13,14) | B | 12 |  | x |  |  |
| 60 | Bài 14: Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên | B | 12 | x |  |  |  |
| 61 | Bài 15: Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai | B | 11 | x |  |  |  |
| 62 | Át lát - trang Nông nghiệp (trang 19) | B | 12 |  | x |  |  |
| 63 | Bài 22: Vấn đề phát triển nông nghiệp | H | 12 | x |  |  |  |
| 64 | Bài 24: Vấn đề phát triển thủy sản và lâm nghiệp | H | 12 | x |  |  |  |
| 65 | Bài 20: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế | H | 12 | x |  |  |  |
| 66 | Bài 17: Lao động và việc làm | H | 12 | x |  |  |  |
| 67 | Bài 42: Biển, đảo | H | 12 | x |  |  |  |
| 68 | Bài 2: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ | H | 12 | x |  |  |  |
| 69 | Bài 18: Đô thị hóa | H | 12 | x |  |  |  |
| 70 | Bài 30: Vấn đề phát triển ngành GTVT và TTLL | H | 12 | x |  |  |  |
| 71 | Bài 32: Trung du và miền núi Bắc Bộ | VDC | 12 | x |  |  |  |
| 72 | Bài 31: Thương mại, du lịch | VD | 12 | x |  |  |  |
| 73 | Nội dung biểu đồ | VD | 12 |  |  |  | x |
| 74 | Bài 37: Tây Nguyên | VD | 12 | x |  |  |  |
| 75 | Bài 36: Duyên hải Nam Trung Bộ | VD | 12 | x |  |  |  |
| 76 | Bài 41: Đồng bằng sông Cửu Long | VD | 12 | x |  |  |  |
| 77 | Bài 31: Đồng bằng sông Hồng | VD | 12 | x |  |  |  |
| 78 | Bài 35: Bắc Trung Bộ | VDC | 12 | x |  |  |  |
| 79 | Bài 11: Thiên nhiên phân hóa đa dạng | VDC | 12 | x |  |  |  |
| 80 | Nhận dạng biểu đồ | VDC | 12 |  |  | x |  |

| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **BẮC NINH** | **ĐỀ ÔN TẬP SỐ 23**  **KÌ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023**  **Môn: Địa lí**  **Thời gian làm bài: 50 phút** |
| --- | --- |

**\* Giáo viên ra đề: Nguyễn Thị Huệ**

**Đơn vị công tác: Trường THPT Nguyễn Trãi.**

**\* Giáo viên thẩm định: Nguyễn Thị Quý**

**Đơn vị công tác: Trường THPT Hàm Long.**

**Câu 41:** Cho bảng số liệu:

0396752282 SẢN LƯỢNG LÚA CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| In-đô-nê-xi-a | 75397,8 | 81148,6 | 54649,2 | 54415,3 | 57449,8 |
| Việt Nam | 45215,7 | 42763,7 | 42301,1 | 43878,1 | 43543,7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sản lượng lúa của In-đô-nê-xi-a và Việt Nam, giai đoạn 2015 - 2021?

**A.** In-đô-nê-xi-a giảm chậm hơn Việt Nam. **B.** Việt Nam giảm chậm hơn In-đô-nê-xi-a.

**C.** Việt Nam giảm nhiều hơn In-đô-nê-xi-a. **D.** Việt Nam giảm còn In-đô-nê-xi-a tăng.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết Đà Lạt thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

**A.** Nam Bộ. **B.** Tây Nguyên. **C.** Nam Trung Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.

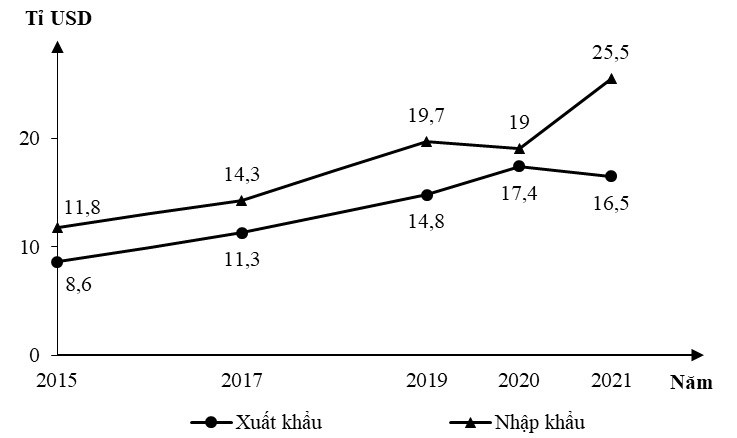
**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy điện nào sau đây là thủy điện?

**A.** Ninh Bình. **B.** Phả Lại. **C.** Na Dương. **D.** Cửa Đạt.

**Câu 44:** Ngành công nghiệp sản xuất rượu, bia, nước ngọt của nước ta phân bố tập trung ở

**A.** khu vực đồi núi. **B.** gần các cửa khẩu. **C.** khu vực cảng biển. **D.** các đô thị lớn.

**Câu 45:** Cho biểu đồ:

0396752282 

0396752282 GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA CAM-PU-CHIA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Cam-pu-chia, giai đoạn 2015 - 2021?

**A.** Xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu. **B.** Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu.

**C.** Nhập khẩu tăng ít hơn xuất khẩu. **D.** Nhập khẩu tăng và xuất khẩu giảm.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây có khu kinh tế cửa khẩu?

**A.** Quảng Ngãi. **B.** Thái Nguyên. **C.** Lạng Sơn. **D.** Ninh Thuận.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Long An. **B.** Tây Ninh. **C.** Đồng Tháp. **D.** Bình Dương.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

**A.** Sông Thương **B.** Sông Lục Nam. **C.** Sông Đà. **D.** Sông Thu Bồn.

**Câu 49:** Ngành công nghiệp của nước ta hiện nay

**A.** còn kém đa dạng. **B.** tăng trưởng rất chậm. **C.** thay đổi tích cực. **D.** phân bố đồng đều.

**Câu 50:** Thế mạnh nổi bật trong sản xuất nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là

**A.** cây dược liệu ôn đới. **B.** sản xuất cây công nghiệp.

**C.** các cây trồng vụ đông. **D.** chăn nuôi gia súc ăn cỏ.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết mũi Kê Gà thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Ninh Thuận. **B.** Khánh Hòa. **C.** Quảng Nam. **D.** Bình Thuận.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết nước khoáng có ở tỉnh nào sau đây?

**A.** Hà Tĩnh. **B.** Quảng Bình. **C.** Nghệ An. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 6 đi qua địa điểm nào sau đây?

**A.** Hà Giang. **B.** Lào Cai. **C.** Mộc Châu. **D.** Nghĩa Lộ.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch Phủ Giầy thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

**A.** Nam Định. **B.** Ninh Bình. **C.** Hà Nội. **D.** Thái Nguyên.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở đồng bằng sông Hồng có giá trị sản xuất trên 120 nghìn tỉ đồng?

**A.** Bắc Ninh. **B.** Hải Phòng. **C.** Hà Nội. **D.** Hải Dương.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Ninh Thuận. **B.** Khánh Hòa. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Bình Định.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Biên Hòa. **B.** Gia Nghĩa. **C.** Phan Thiết. **D.** Cao Lãnh.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết đảo nào sau đây có diện tích lớn nhất nước ta?

**A.** Bạch Long Vĩ. **B.** Hòn Tre. **C.** Phú Quốc. **D.** Cồn Cỏ.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

**A.** Đông Triều. **B.** Ngân Sơn. **C.** Cai Kinh. **D.** Hoành Sơn.

**Câu 60:** Biện pháp bảo vệ đất trồng của nước ta chủ yếu là

**A.** tăng diện tích. **B.** chống bão. **C.** chống bạc màu. **D.** ngăn lũ quét.

**Câu 61:** Mùa bão ở nước ta có đặc điểm là

**A.** miền Nam sớm hơn miền Trung. **B.** miền Nam sớm hơn miền Bắc.

**C.** miền Bắc sớm hơn miền Nam. **D.** miền Trung sớm hơn miền Bắc.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm?

**A.** Tuyên Quang. **B.** Hà Giang. **C.** Bắc Giang. **D.** Kiên Giang.

**Câu 63:** Chăn nuôi bò sữa được phát triển khá mạnh ở ven các thành phố lớn chủ yếu do

**A.** điều kiện chăm sóc rất tốt. **B.** cơ sở kĩ thuật phục vụ chăn nuôi hiện đại.

**C.** nhu cầu của thị trường lớn. **D.** truyền thống chăn nuôi vùng ngoại thành.

**Câu 64:** Hoạt động nuôi trồng thủy sản của nước ta hiện nay

**A.** chỉ nuôi theo hình thức quảng canh. **B.** chiếm tỉ trọng ngày càng thấp.

**C.** chỉ nuôi ở môi trường nước ngọt. **D.** áp dụng kỹ thuật nuôi công nghiệp.

**Câu 65:** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta hiện nay

**A.** làm tăng mạnh tỉ trọng kinh tế Nhà nước. **B.** tăng cao tỉ trọng công nghiệp khai khoáng.

**C.** đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước. **D.** hình thành các khu công nghiệp tập trung.

**Câu 66:** Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế của nước ta thay đổi chủ yếu do

**A.** đẩy mạnh công nghiệp hóa, thu hút đầu tư. **B.** tăng cường hiện đại hóa, mở rộng dịch vụ.

**C.** phát triển kinh tế thị trường, toàn cầu hóa. **D.** khai thác các thế mạnh, tăng trưởng kinh tế.

**Câu 67:** Để tạo thế mở cho các tỉnh duyên hải nước ta cần

**A.** đẩy mạnh thăm dò và khai thác dầu khí. **B.** phát triển mạnh mẽ du lịch.

**C.** xây dựng và cải tạo hệ thống cảng biển. **D.** tăng cường đánh bắt xa bờ.

**Câu 68:** Vị trí địa lí của nước ta

**A.** nằm trên vành đai sinh khoáng. **B.** ở trong vùng có nhiều thiên tai.

**C.** ở giữa trung tâm Đông Nam Á. **D.** hoàn toàn nằm ở vùng xích đạo.

**Câu 69:** Phát biểu nào sau đây đúng với đô thị hóa ở nước ta hiện nay?

**A.** Tỉ lệ dân thành thị tăng chậm. **B.** Cơ sở hạ tầng đô thị hiện đại.

**C.** Đô thị hóa diễn ra rất nhanh. **D.** Phân bố đô thị đều theo vùng.

**Câu 70:** Yếu tố chủ yếu thúc đẩy việc phát triển giao thông vận tải biển ở nước ta hiện nay là

**A.** hội nhập toàn cầu sâu rộng. **B.** vùng biển rộng, bờ biển dài.

**C.** hoạt động du lịch phát triển. **D.** nhiều vũng, vịnh sâu kín gió.

**Câu 71:** Giải pháp chủ yếu để phát triển chăn nuôi hiện nay ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** sử dụng nhiều giống mới, kiên cố hoá chuồng trại, phát triển công nghiệp chế biến.

**B.** đa dạng hoá cơ sở thức ăn, nâng cao trình độ người lao động, mở rộng thị trường.

**C.** thu hút các nguồn đầu tư, tăng quy mô trang trại, xây dựng thương hiệu sản phẩm.

**D.** đầu tư cơ sở vật chất, phát triển giao thông vận tải, nâng cao chất lượng thức ăn.

**Câu 72:** Ý nghĩa chủ yếu của ngành nội thương ở nước ta là

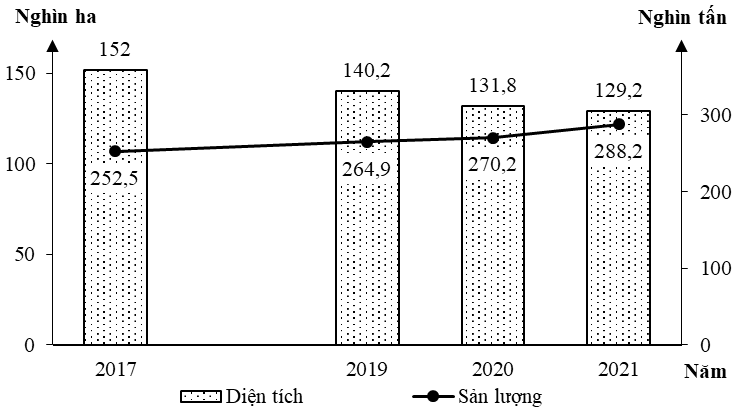
**A.** đáp ứng nhu cầu người dân, tạo tập quán tiêu dùng mới.

**B.** nâng cao đời sống người dân, tăng tiêu dùng trong nước.

**C.** thúc đẩy sản xuất hàng hóa, phân công lao động lãnh thổ.

**D.** tăng lưu thông hàng hóa, thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa.

**Câu 73:** Cho biểu đồ về diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta, giai đoạn 2017 - 2021:

0396752282 

0396752282 *(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Cơ cấu diện tích và sản lượng. **B.** Tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng.

**C.** Quy mô diện tích và sản lượng. **D.** Sự thay đổi cơ cấu diện tích và sản lượng.

**Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

**A.** thu hút vốn đầu tư, khai thác hiệu qủa các loại nguồn lực.

**B.** tạo việc làm, thu hút nhiều lao động từ các vùng khác tới.

**C.** bảo quản tốt nông sản, đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu.

**D.** phát triển sản xuất hàng hoá, ổn định vùng chuyên canh.

**Câu 75:** Tác dụng chủ yếu của việc thu hút đầu tư nước ngoài ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** thúc đẩy hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất.

**B.** tạo việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

**C.** tạo điều kiện để nâng cao vị thế của vùng so với cả nước.

**D.** giải quyết vấn đề hạn chế nguồn tài nguyên, năng lượng.

**Câu 76:** Tình trạng xâm nhập mặn gia tăng trong mùa khô ở Đồng bằng Sông Cửu Long chủ yếu do

**A.** nhiều cửa sông, có ba mặt giáp biển, có nhiều vùng trũng rộng lớn.

**B.** ba mặt giáp biển, địa hình thấp, sông ngòi và kênh rạch chằng chịt.

**C.** nhiều vùng trũng rộng lớn, có ba mặt giáp biển, địa hình đa dạng.

**D.** sông ngòi dày đặc, địa hình thấp, giáp biển, nguồn nước ngọt giảm.

**Câu 77:** Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồnglà

**A.** góp phần hiện đại hoá sản xuất và bảo vệ môi trường.

**B.** tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.

**C.** hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.

**D.** phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.

**Câu 78:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển lâm nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

**A.** bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế thiên tai, khai thác tốt thế mạnh.

**B.** điều hoà dòng chảy, hạn chế sạt lở, nuôi dưỡng nguồn gen quý hiếm.

**C.** phát triển kinh tế vườn rừng, tạo nhiều việc làm, tăng nguồn thu nhập.

**D.** nuôi thuỷ sản, chắn gió bão, tạo thế kinh tế liên hoàn theo không gian.

**Câu 79:** Tác động chủ yếu của khối khí nhiệt đới Bắc Ấn Độ Dương đến khí hậu nước ta vào đầu mùa hạ là

**A.** gây hiệu ứng phơn khô nóng, mưa dông cho vùng đồng bằng Nam Bộ.

**B.** làm cho nền nhiệt cao, cân bằng ẩm phân hóa sâu sắc giữa các khu vực.

**C.** mang lại thời tiết khô nóng, hình thành tháng mưa cực đại trên cả nước.

**D.** tạo nên sự phân hóa mưa theo chiều Bắc - Nam, độ ẩm không khí thấp.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

0396752282 LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ

Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015- 2021

*(Đơn vị: nghìn người)*

| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Kinh tế Nhà nước | 4779,9 | 4595,4 | 4226,2 | 4098,4 | 3951,7 |
| Kinh tế ngoài Nhà nước | 45132,8 | 44905,4 | 45664,6 | 44777,4 | 40534 |
| Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | 3197,8 | 4207,8 | 4768,4 | 4733,8 | 4586,3 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2015 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Kết hợp. **B.** Tròn. **C.** Miền. **D.** Đường.

| **CÂU** | **HƯỚNG DẪN GIẢI** | **ĐÁP ÁN** |
| --- | --- | --- |
| **41** | In-đô-nê-xi-a giảm 1,31 lần; Việt Nam giảm 1,04 lần🡪 VN giảm chậm hơn In-đô-nê-xi-a | **B** |
| **42** | Tây Nguyên. | **B** |
| **43** | Cửa Đạt | **D** |
| **44** | Các đô thị lớn | **B** |
| **45** | Xuất khẩu tăng 2,16 lần; nhập khẩu tăng 1,19 lần🡪 Xuất khẩu tăng chậm hơn NK | **B** |
| **46** | Lạng Sơn | **C** |
| **47** | Tây Ninh | **B** |
| **48** | Sông Đà | **C** |
| **49** | Thay đổi tích cực | **C** |
| **50** | Sản xuất cây công nghiệp | **B** |
| **51** | Bình Thuận | **D** |
| **52** | Quảng Bình | **B** |
| **53** | Mộc Châu | **C** |
| **54** | Nam Định | **A** |
| **55** | Hà Nội | **C** |
| **56** | Bình Định | **D** |
| **57** | Cao Lãnh | **D** |
| **58** | Phú Quốc | **C** |
| **59** | Hoành Sơn | **D** |
| **60** | Chống bạc màu | **C** |
| **61** | Miền Bắc sớm hơn miền Nam | **C** |
| **62** | Kiên Giang | **D** |
| **63** | Nhu cầu của thị trường lớn | **C** |
| **64** | Áp dụng kĩ thuật nuôi công nghiệp | **D** |
| **65** | Hình thành các khu công nghiệp tập trung | **D** |
| **66** | Phát triển kinh tế thị trường toàn cầu hóa | **C** |
| **67** | Xây dựng và cải tạo hệ thống cảng biển | **C** |
| **68** | ở trong vùng có nhiều thiên tai | **B** |
| **69** | Tỉ lệ dân thành thị tăng chậm | **A** |
| **70** | Hội nhập toàn cầu sâu rộng | **A** |
| **71** | Dựa vào bài 32 SGK trang 148 – 149: Hạn chế trong chăn nuôi của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là công tác vận chuyển sản phẩm chăn nuôi tới vùng tiêu thụ, các đồng cỏ cần được cải tạo nâng cao năng suất... 🡪 giải pháp phát triển ngành chăn nuôi ở TDMNBB hiện nay là đầu tư cơ sở vật chất, phát triển giao thông vận tải, nâng cao chất lượng thức ăn. | **D** |
| **72** | Ngành nội thương là hoạt động buôn bán trong nước, hiện nay cả nước đã hình thành thị trường thống nhất, hàng hóa phong phú đa dạng, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân. Vì vậy ý nghĩa của ngành nội thương ở nước ta là thúc đẩy sản xuất hàng hóa, phân công lao động theo lãnh thổ. Vì sản hàng hóa, khai thác lợi thế sản xuất ở vùng sẽ tạo ra nhiều sản phẩm và đẩy mạnh sự phân công lao động theo lãnh thổ. | **C** |
| **73** | Nhận dạng biểu đồ: Qui mô diện tích và sản lượng. | **C** |
| **74** | Đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên là một giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội🡪 phát triển sản xuất hàng hóa, ổn định vùng chuyên canh (SGK Địa 12 trang 170). | **D** |
| **75** | Tác dụng chủ yếu của việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài ở Duyên hải Nam Trung Bộ đã thúc đẩy sự hình thành một số khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất (SGK Địa 12 trang 163). | **A** |
| **76** | Tình trạng xâm nhập mặn gia tăng trong mùa khô ở đồng bằng sông Cửu Long do mùa khô kéo dài từ tháng 12🡪tháng 4 năm sau, lượng nước ngọt thiếu hụt nghiêm trọng dẫn đến thiếu nước thau chua rửa mặn; địa hình thấp, mạng lưới sông ngòi dày đặc dẫn đến nước chảy ngược dòng xâm nhập mặn sâu vào đồng bằng (SGK Địa 12 trang 187-188) | **D** |
| **77** | Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng Sông Hồng: Định hướng chung chuyển dịch cơ cấu KT là đảm bảo tăng trưởng KT với tố độ nhanh...; trong khu vực gắn liền các ngành CN trọng điểm nhằm sử dụng có hiệu quả các thế mạnh về tự nhiên và con người (SGK Địa lí trang 153) | **D** |
| **78** | Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển lâm nghiệp ở Bắc Trung Bộ là  Vai trò của bảo vệ rừng và phát triển vốn rừng ở BTB: bảo vệ môi trường sống của sinh vật, bảo vệ nguồn gan quí, có tác dụng điều hòa nguồn nước, hạn chế tác hại của lũ trên các sông ngắn dốc. Rừng ven biển có tác dụng chắn gió, bão và ngăn cát bay cát chảy lấn chiếm ruộng đồng, làng mạc. (SGK Địa lí trang 157).  Mặt khác phát triển lâm nghiệp còn gắn liền với việc khai thác thế mạnh tài nguyên rừng 🡪 Đáp án A, bao trùm các đáp án còn lại. | **A** |
| **79** | Tác động chủ yếu của khối khí nhiệt đới Bắc Ấn Độ Dương đến khí hậu nước ta vào đầu mùa hạ là gây khô nóng (phơn ven biển Trung bộ), mưa lớn khu vực đón gió Tây Nguyên, Nam Bộ🡪 Đáp án B. | **B** |
| **80** | Nhận dạng biểu đồ: dấu hiệu tốc độ tăng trưởng 🡪 Đáp án D | **D** |